

**BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**
**DETAILED SCHEDULE OF TAX PAYMENTS MADE BY THE E-COMMERCE
PLATFORM OPERATOR**

(Kèm theo chứng từ nộp ngân sách nhà nước:
Số, số tham chiếu, ngày .../.../...)

(Attached to the State Budget Payment Voucher: No., Reference No., Date:
.../.../...)

[01] Ngày lập: .../.../... [02] Lần gửi thứ:....

Date of preparation: .../.../... Submission No.:

[03] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử:

Name of the e-commerce platform operator:

[04] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay:

Tax Identification Number (TIN) for withholding and payment on behalf:

[05] Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):.....

Tax return No./Decision No./Notice No./Application Identification Number (ID)

[06] Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo:

Tax period/Decision date/Notice date

[07] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):.....

Name of the tax agent (if any)

[08] Mã số thuế:

Tax Identification Number (TIN)

[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:.....

Tax agency agreement: No. Date:

**I. BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ KHẤU TRỪ CỦA TỔ CHỨC
NƯỚC NGOÀI**

DETAILED SCHEDULE OF WITHHELD TAX PAYMENTS FOR FOREIGN ORGANIZATIONS

Đơn vị tiền/Currency: ...

STT No.	Mã số thuế Tổ chức nước ngoài (nếu có) <i>Tax Identification Number (TIN) of the foreign organization (if any)</i>	Tên Tổ chức nước ngoài <i>Name of the foreign organization</i>	Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục) <i>State budget payment item (Sub-item)</i>	Số tiền nộp NSNN <i>Amount paid to the State budget</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
	Tổng cộng/Total			

II. BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ KHẤU TRỪ CỦA HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH

DETAILED SCHEDULE OF WITHHELD TAX PAYMENTS FOR BUSINESS INDIVIDUALS

STT	Mã số thuế/Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Số hộ chiếu/ Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân/Tax Identification Number (TIN)/Personal Identification Number (Citizen ID No.)/Passport No./Identification document number of the business household or individual	Tên hộ/ Hộ và tên cá nhân/Name of the business household/Full name of the individual	Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục) <i>State budget payment item (Sub-item)</i>	Số tiền nộp NSNN <i>Amount paid to the State budget</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

1				
2				
...				
	Tổng cộng/Total			

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ HOẶC BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (nếu có)

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số/:.....

TAX AGENT STAFF OR AUTHORIZED PARTY (if any)

Full name:

Practitioner Certificate number:

....., ngày... tháng... năm

Date month year

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

TAXPAYER or THE LEGAL REPRESENTATIVE OF TAX PAYER

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)

(Signature, full name; Title, and seal (if any) / Digital signature)

Ghi chú:

Notes:

1. Mỗi chứng từ nộp NSNN người nộp thuế lập một Bảng kê chi tiết tương ứng.

A separate Detailed Schedule shall be prepared for each State Budget Payment Voucher.

2. Tổng số tiền đã nộp NSNN trên cột (5) trên Bảng kê này phải bằng tổng tiền tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử đã nộp trên chứng từ nộp NSNN.

The total amount paid to the State budget shown in Column (5) of this Schedule must be equal to the total amount paid by the e-commerce platform operator as stated in the corresponding State Budget Payment Voucher.